

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 837/TTr-STNMT ngày 20/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH JMC Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại phố Mới, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Xây dựng nhà máy may mặc xuất khẩu” tại thôn Quỳnh Sành và thôn Quỳnh Cả, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Xây dựng nhà máy may mặc xuất khẩu.

1.2. Chủ cơ sở: Công ty TNHH JMC Việt Nam

1.3. Địa điểm hoạt động: Thôn Quỳnh Sành và thôn Quỳnh Cả, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2400288298 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 09 năm 2014; đăng ký thay đổi lần 2, ngày 07 tháng 3 năm 2019.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 3250784300 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 05/12/2015, chứng nhận đăng ký điều chỉnh lần thứ 01: ngày 24 tháng 6 năm 2016.

1.5. Mã số thuế: 2400288298.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất hàng may mặc.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại thôn Quỳnh Sành và thôn Quỳnh Cả, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với diện tích 58.321,1 m².

- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Xây dựng nhà máy sản xuất hàng may mặc với các sản phẩm chính là áo jacket, áo rét, quần bò, áo sơ mi: Công suất 8 triệu sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH JMC Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH JMC Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH JMC Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường..

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy may mặc xuất khẩu” tại thôn Quỳnh Sành và thôn Quỳnh Cả, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam do Công ty TNHH JMC Việt Nam làm Chủ đầu tư và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND huyện Lục Nam, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Xây dựng nhà máy may mặc xuất khẩu” tại thôn Quỳnh Sành và thôn Quỳnh Cả, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH JMC Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1230/QĐ-TNMT ngày 30/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH JMC Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Lục Nam, UBND xã Nghĩa Phương, Công ty TNHH JMC Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH JMC Việt Nam (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / 12 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên của Cơ sở.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ công đoạn đập bụi của hệ thống xử lý khí thải lò hơi được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm xả vào mương nội đồng của thôn Quỳnh Sành, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương nội đồng của thôn Quỳnh Sành, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại mương nội đồng (đoạn chảy qua ranh giới phía Nam cơ sở đã được hoàn trả cứng hóa) của thôn Quỳnh Sành, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰): X = 2352826; Y = 443615

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 80 m³/ngày đêm, tương đương 3,3 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi được xử lý qua Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm được xả ra mương nội đồng của thôn Quỳnh Sành, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang qua đường ống BTCT D300mm, chiều dài khoảng 1m theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra mương nội đồng của thôn Quỳnh Sành, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Cơ sở không thuộc đối
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	

3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
5	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	50	
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
7	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10	
8	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ qua 4 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích $85,58\text{m}^3$ (bể tự hoại 3 ngăn tại nhà văn phòng, nhà vệ sinh tại nhà ăn, nhà vệ sinh dự phòng có thể tích $16,8\text{ m}^3/\text{bể}$; bể tự hoại 3 ngăn tại xưởng may thể tích $35,18\text{ m}^3$) sẽ được dẫn theo các đường ống thu gom nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung công suất $80\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, cụ thể:

+ Nước thải từ bể tự hoại tại nhà văn phòng (được dẫn theo ống HDPE D165 chiều dài 85,17 m và ống HDPE D200 chiều dài 156,25 m); nước thải từ bể tự hoại tại xưởng may (chảy qua ống HDPE D200 chiều dài 12,53 m) và nước thải từ nhà vệ sinh dự phòng cùng chảy qua ống HDPE D200 chiều dài 40,62 m về trạm xử lý nước thải.

+ Nước thải từ bể tự hoại tại nhà ăn chảy qua ống HDPE D200 chiều dài 16,88m cùng nước thải nhà bếp từ bể tách dầu mỡ cùng chảy qua ống HDPE D200 chiều dài 51,99 m về trạm xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt từ nhà bếp sau khi được thu gom, xử lý qua bể tách dầu mỡ thể tích $46,92\text{ m}^3$ sẽ theo đường ống HDPE D200 dài 5m sau đó cùng với nước

thải từ bể tự hoại tại nhà ăn cùng chảy qua ống HDPE D200 chiều dài 51,99 m về trạm xử lý nước thải.

* Nước thải phát sinh từ công đoạn đập bụi của hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Được tuần hoàn tái sử dụng liên tục, khi cạn có thể bổ sung thêm nước sạch, không thải ra môi trường. Cơ sở thuê đơn vị có chức năng hút và nạo vét bùn cặn trong bể đập bụi và mang đi xử lý ngay sau khi nạo vét (tần suất 01 lần/năm).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý của trạm xử lý nước thải công suất 80m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sau khi xử lý qua bể tự hoại và nước thải nhà bếp sau khi xử lý qua bể tách dầu mỡ → Bể gom → Bể điều hoà → Bể xử lý sinh học gián đoạn cải tiến A-SBR (gồm các bể thiếu khí 1 → hiếu khí 1 → thiếu khí 2 → hiếu khí 2) → Bể khử trùng → Mương nội đồng của thôn Quỳnh Sành, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam (nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B)

- Công suất thiết kế trạm xử lý nước thải: 80m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải:

+ Mật mía: 27 kg/tháng

+ PAC (chất tạo lắng): 133 kg/tháng

+ Javen (0,2%): 320 kg/tháng

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Biện pháp phòng ngừa

- Thường xuyên duy trì vận hành hệ thống xử lý theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Định kỳ kiểm tra giám sát hoạt động xử lý nước thải, xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đường ống dẫn nước thải được thường xuyên kiểm tra, theo dõi. Khi phát hiện đường ống bị hỏng, vỡ phải tiến hành lắp đặt, thay thế ống mới kịp thời.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của Trạm xử lý nước thải. Có nhật ký xả thải ghi chép lưu lượng xả nước thải của công ty.

- Bảo dưỡng, nạo vét định kỳ trạm xử lý nước thải, bổ sung hóa chất kịp thời để đảm bảo hiệu quả xử lý của các bể.

* Biện pháp ứng phó sự cố

- Phải dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải sinh hoạt để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của trạm xử lý nước thải: Phải dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải để khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua trạm xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố một

hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/03/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu vào và đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của dòng thải (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn vận hành ổn định			
1	01 vị trí nước thải đầu vào	Lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian dự kiến: Ngày 04/3/2024	pH; BOD ₅ ; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hoà tan; Sunfua (tính theo H ₂ S);	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
2	01 vị trí nước thải đầu ra sau trạm xử lý nước thải	Lấy mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp với tần suất 01 ngày/lần. Thời gian cụ thể như sau: - Lần 1: Ngày 04/3/2024 - Lần 2: Ngày 05/3/2024 - Lần 3: Ngày 06/3/2024	Amoni (tính theo N); Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N); Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms; Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả ra mương nội đồng của thôn Quỳnh Sành, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép

môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành trạm xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

01 nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi đốt than.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107⁰, múi chiều 3⁰): X = 2352832; Y = 443628

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 6.000 m³/giờ tương đương 72.000 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (Thời gian làm việc 12 giờ/ngày)

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19: 2009/BTNMT cột B, cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Nhiệt độ	°C	-	Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000	
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500	
5	Nitơ, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Toàn bộ bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi được thu vào ống dẫn (ống bằng

inox, đường kính Ø360mm) vào Cyclone (đường kính 0,65 m, chiều cao 2,5 m) để loại bỏ các hạt bụi khô sau đó được hút bằng quạt hút (công suất 5,5 KW/giờ) được dẫn vào bể khử bụi (thể tích 2,975 m³) chứa dung dịch kiềm NaOH bằng ống dẫn (ống bằng inox, đường kính Ø360mm) rồi thải ra môi trường qua ống khói (cao khoảng 12m, đường kính Ø640mm).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Bụi, khí thải từ lò hơi → Ống dẫn → Cyclone → Quạt hút → Ống dẫn → Bể khử bụi (xử lý bằng dung dịch NaOH) → Ống khói → Môi trường (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B)

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải: 6.000m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải:

+ NaOH (dạng rắn) : 67 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị nồi hơi, khắc phục và sửa chữa kịp thời khi bị hỏng.

- Yêu cầu công nhân vận hành phải nắm rõ và tuân thủ các thao tác trong quá trình vận hành lò hơi, vận hành hệ thống xử lý khí thải.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.3.2. Biện pháp ứng phó:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại cơ sở, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/3/2024 đến ngày 30/6/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 Hệ thống xử lý khí thải lò hơi

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của dòng thải (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Nhiệt độ; bụi tổng; CO; SO ₂ ; NO _x .	Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy 01 mẫu đơn đầu ra tần suất 01 ngày/lần, trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 04/3/2024 - Lần 2: Ngày 05/3/2024 - Lần 3: Ngày 06/3/2024	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn**

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất tại xưởng may.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn độ rung phát sinh từ hoạt động tại phòng nồi hơi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: 01 vị trí tại trung tâm xưởng may. Tọa độ vị trí phát sinh: X=2352938; Y= 443596;

- Nguồn số 2: 01 vị trí tại khu vực đặt máy móc, thiết bị tại phòng nồi hơi. Tọa độ vị trí phát sinh: X=2352838; Y= 443631

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107⁰, múi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho mỡ bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, lắp thêm các thiết bị giảm thanh cho các máy móc thiết bị có độ ồn cao.

- Trồng cây xanh xung quanh Nhà máy nhằm hấp thụ ánh nắng, giảm ồn và giảm bụi, khí thải phát tán vào môi trường xung quanh.

- Trang bị bảo hộ lao động, nút chống ồn cho công nhân lao động, đặc biệt là những công nhân làm việc tại những máy có độ ồn lớn.

- Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao.

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực có độ rung cao nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Dầu thải	53,3
2	Bóng đèn huỳnh quang	2,7
3	Giẻ lau dính dầu mỡ	10,7
4	Bùn thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi	16
Tổng cộng		82,7

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Các phần thừa từ nguyên liệu đầu vào (vải vụn, chỉ vụn, bìa carton, đầu mẫu băng dính thừa, ...)	533,3
2	Sản phẩm lỗi, hỏng không chứa thành phần nguy hại	1.013,3
3	Bao bì đựng nguyên liệu không chứa thành phần nguy hại	832,0
4	Nilon, lõi cuộn băng dính, lõi cuộn nguyên liệu, ...	362,7
5	Tro xỉ than	725,3
Tổng		3.466,6

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 150kg/ngày với thành phần chất thải chủ yếu là rác thải nhà bếp, bao bì đựng đồ uống bằng nilon, nhựa, các loại phế thải phục vụ văn phòng, ...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 02 thùng phuy bằng nhựa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng để thu gom, lưu chứa riêng biệt đối với bóng đèn huỳnh quang và giẻ lau dính dầu mỡ, bên ngoài có dán mã chất thải nguy hại (CTNH).

- Dầu thải từ quá trình thay dầu, bảo dưỡng máy móc: Cơ sở thuê đơn vị bảo dưỡng máy móc định kỳ, sau khi bảo dưỡng dầu thải từ máy móc sẽ được đơn vị bảo dưỡng máy thu gom và vận chuyển đi xử lý, không lưu trữ tại cơ sở

- Bùn thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi: Bùn được lưu trữ tại bể đập bụi, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển mang đi xử lý đi ngay khi nạo vét khỏi bể nên không lưu trữ trong kho chứa CTNH (Tần suất 01 lần/năm).

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Tường chịu lực dày 220mm, sàn bê tông cốt thép M200 dày 100mm, nền chống thấm, có rải cát trên nền, mái lợp tôn, xà gồ U80×40×3, sơn bảo hoàn thiện, có biển báo kho chứa rác thải nguy hại, có trang bị bình chữa cháy bên ngoài.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất 01 lần/năm hoặc khi kho chứa đầy).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không bố trí thiết bị lưu chứa. Chất thải rắn sản xuất được thu gom vào các bao tải, thùng giấy rồi đưa về kho chứa chất thải rắn sản xuất thông thường diện tích 26m². Tro xỉ than từ quá trình vận hành lò hơi: được thu gom và lưu trữ tại kho chứa xỉ than.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích kho chứa chất thải rắn sản xuất:

+ Diện tích kho chứa chất thải rắn sản xuất thông thường: 26 m²

+ Diện tích kho chứa xỉ than: 17 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho

+ Kho chứa chất thải rắn sản xuất thông thường: Tường chịu lực dày 220mm, sàn bê tông cốt thép M200 dày 100mm, nền chống thấm, mái lợp tôn, xà gồ U80×40×3, sơn bảo hoàn thiện, có biển báo, có trang bị bình chữa cháy bên ngoài.

+ Kho chứa xỉ than: Tường chịu lực dày 220mm, sàn bê tông cốt thép M200 dày 100mm, nền chống thấm, mái lợp tôn, xà gồ U80×40×3, sơn bảo hoàn thiện, có biển báo, có trang bị bình chữa cháy bên ngoài.

- Tro xỉ than từ quá trình vận hành lò hơi: Hiện tại phần tro xỉ than này được Cơ sở tận dụng để san lấp tại các khu vực trũng thấp trong khuôn viên cơ sở. Khi đã dùng tro xỉ san lấp hết các khu vực trũng thấp trong khuôn viên, Cơ sở sẽ thuê

đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý tro xỉ theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường: Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sản xuất theo quy định (tần suất từ 3 tháng/lần đến 4 tháng/lần hoặc khi kho chứa đầy)

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 01 thùng chứa, dung tích 250 lít/thùng, đặt tại nhà ăn; 01 thùng chứa, dung tích 250 lít/thùng, đặt tại nhà xưởng; các khu vực nhà văn phòng, nhà chức năng khác đặt các thùng rác 20 lít/thùng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Sau đó được cho vào bao tải và lưu trữ tạm thời tại kho chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: 17 m².

- Kết cấu, cấu tạo của kho: Tường chịu lực dày 220mm, sàn bê tông cốt thép M200 dày 100mm, nền chống thấm, mái lợp tôn, xà gồ U80×40×3, sơn bảo hoàn thiện, có biển báo kho chứa rác, có trang bị bình chữa cháy bên ngoài.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (Tần suất 02 lần/tuần).

Bùn thải từ bể tự hoại; từ bể tách dầu mỡ; từ trạm xử lý nước thải định kỳ 01 lần/năm thuê đơn vị có chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động cơ sở khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH JMC Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành trạm xử lý nước thải của cơ sở để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cơ sở đảm bảo: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả ra mương nội đồng của thôn Quỳnh Sành, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 837/TTr-TNMT ngày 20/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.